SỞ VHTTDL TỈNH ĐỒNG NAI
THƯ VIỆN TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : 182/QĐ- TV

Đồng Nai, ngày 2 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước quý 3 năm 2023 của Thư Viện tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC THƯ VIỆN ĐỒNG NAI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 22/10/2083 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Thư viện tỉnh Đồng Nai thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-STC ngày 14/12/2021 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước – chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 600/QĐ-SVHTTDL ngày 19/12/2022 của Sở VHTTDL tỉnh Đồng Nai về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho Thư viện tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Hành chính tổng hợp;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước quý 3 năm 2023 của Thư viện tỉnh Đồng Nai (biểu đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Trưởng Phòng HC-TH và Trưởng các phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Ban Giám đốc Thư viện;
- Sở VHTTDL;
- Các Đoàn chuyên môn;
- Lưu: VT, TV.

GIÁM ĐỐC

SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH * THƯ VIỆN * TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Ngọc Thành

Biểu số 3

Đơn vị: Thư viện tỉnh Đồng Nai
Chương: 425

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 2 tháng 10 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

ĐV tính: ngàn đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện quý 3 năm 2023	Thực hiện/Dự toán năm 2023 (tỷ lệ %)	Thực hiện năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**	**10**	**1.500**		
1	Lệ phí	0	0		
2	Phí	10	1.500		
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**		**0**		
1	Chi sự nghiệp	0	0		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0		
2	Chi quản lý hành chính	0	0		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0		
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
1	Lệ phí	0	0		
2	Phí	0	0		
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**				
I	**Nguồn ngân sách trong nước**				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		1.319.743		

Stt	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện quý 3 năm 2023	Thực hiện/Dự toán năm 2023 (tỷ lệ %)	Thực hiện năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
8.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**3.367.000**	**906.965**		
6000	Tiền lương				
6001	Lương ngạch bậc theo quỹ lương được duyệt		513.550		
6050	Tiền công				
6051	Tiền công hợp đồng theo vụ, việc		55.037		
6099	Tiền công khác				
6100	Phụ cấp lương				
6101	Phụ cấp chức vụ		15.390		
6105	Phụ cấp làm đêm, thêm giờ				
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại,nguy hiểm		25.920		
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		540		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề		5.723		
6149	Phụ cấp khác		1.878		
6253	Tiền tàu xe nghỉ phép năm				
6299	Chi khác		13.100		
6300	Các khoản đóng góp				
6301	Bảo hiểm xã hội		95.372		
6302	Bảo hiểm y tế		15.895		
6303	Kinh phí công đoàn		11.300		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp		5.298		
6404	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ		36.000		
6449	Chi khác				
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng				
6501	Tiền điện		3.600		
6502	Tiền nước				
6503	Tiền nhiên liệu		48.353		
6504	Tiền vệ sinh, môi trường		2.578		

Stt	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện quý 3 năm 2023	Thực hiện/Dự toán năm 2023 (tỷ lệ %)	Thực hiện năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6551	Văn phòng phẩm		2.510		
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc				
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax		569		
6603	Cước phí bưu chính		69		
6699	Chi phí khác				
6700	Công tác phí				
6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe		19.320		
6702	Phụ cấp công tác phí		5.650		
6703	Thuê phòng nghỉ		4.300		
6704	Khoán công tác phí		3.000		
6750	Chi phí thuê mướn				
6751	Thuê phương tiện vận chuyển				
6757	Thuê lao động trong nước		700		
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ		5.400		
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin				
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng				
6921	Đường điện, cấp thoát nước		10.360		
7750	Chi khác				
7756	Chi các khoản phí và lệ phí		891		
7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện				
7761	Chi tiếp khách				
7799	Chi các khoản chi khác		3.042		
7854	Công tác Đảng		1.620		
8.2	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**3.321.000**	**412.778**		
6501	Tiền điện		40.858		
6503	Tiền nhiên liệu		1.170		
6605	Thuê bao, kênh vệ tinh, truyền hình cáp, internet		9.234		
6751	Thuê phương tiên vận chuyển		36.300		

Stt	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện quý 3 năm 2023	Thực hiện/Dự toán năm 2023 (tỷ lệ %)	Thực hiện năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin				
6999	tài sản và các thiết bị khác				
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành				
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư				
7012	Chi phí hoạt đồng nghiệp vụ chuyên môn				
7049	Chi khác		325.216		
II	**Nguồn vốn viện trợ**				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**				

Ngày 2 tháng 10 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH * THƯ VIỆN * TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Ngọc Thành